

Số:

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 01 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 6477/UBND-KGVX ngày 21/12/2022 và theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2763/SKHĐT-KGVX ngày 28/12/2022 về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh (*sau đây gọi tắt là Chương trình*), như sau:

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội, dân số, dân tộc, vùng dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn tỉnh.**

**1.1. Điều kiện tự nhiên:** Tỉnh Quảng Ngãi có địa hình tương đối phức tạp, có xu hướng thấp dần từ tây sang đông với các dạng địa hình đồi núi, đồng bằng ven biển, phía tây của tỉnh là sườn Đông của dãy Trường Sơn, tiếp đến là địa hình núi thấp và đồi xen kẽ đồng bằng, có nơi núi chạy sát biển. Khí hậu ở Quảng Ngãi là khí hậu nhiệt đới và gió mùa, nên nhiệt độ cao và ít biến động. Chế độ ánh sáng, mưa ẩm phong phú, nhiệt độ trung bình 25-26,9°C. Khí hậu nơi đây phân hóa thành 2 mùa rõ rệt, gồm có mùa mưa và mùa nắng. Đất đai trong địa bàn tỉnh được chia làm 9 nhóm đất chính với 25 đơn vị đất và 68 đơn vị đất phụ. Các nhóm đất chính là cồn cát, đất cát ven biển, đất mặn, đất phù sa, đất giây, đất xám, đất đỏ vàng, đất đen, đất nứt nẻ, đất xói mòn trơ sỏi đá, trong đó, nhóm đất xám có vị trí quan trọng với hơn 74,65% diện tích đất tự nhiên, thích hợp với cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản, dược liệu, chăn nuôi gia súc và nhóm đất phù sa thuộc hạ lưu các sông chiếm 19,3% diện tích đất tự nhiên, thích hợp với trồng lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, rau đậu... Đất Quảng Ngãi có thành phần cơ giới nhẹ, hơi chặt, thích hợp với trồng mía và các cây công nghiệp.

## **1.2. Tình hình kinh tế - xã hội**

### a) Lĩnh vực kinh tế:

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 57.605 tỷ đồng<sup>1</sup>, tăng 8,08% so với cùng kỳ<sup>2</sup>. Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,19%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 8,32%; khu vực dịch vụ tăng 10,83%; khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,38%.

#### - Về phát triển công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 ước đạt 109,6% so với năm 2021, tăng 6,6% so với kế hoạch năm. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 129.042 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2021, tăng 0,6% kế hoạch năm; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp ngoài dầu ước đạt 53.077 tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm 2021, tăng 1,5% kế hoạch năm.

#### - Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường:

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)* năm 2022 ước đạt 64.697 tỷ đồng, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021, vượt 17,6% kế hoạch năm.

*Kim ngạch xuất khẩu* năm 2022 ước đạt 2.158 triệu USD, tăng 20% so với năm 2021, vượt 16% kế hoạch năm<sup>3</sup>. *Kim ngạch nhập khẩu* ước đạt 3.490 triệu USD, tăng 31,4% so với cùng kỳ.

*Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt):* Doanh thu vận tải và dịch vụ vận tải ước đạt 4.339 tỷ đồng, tăng 40,6% so với năm 2021, vượt 35,8% kế hoạch năm.

*Tín dụng ngân hàng:* Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 75.267 tỷ đồng, tăng 12,24% so với cuối năm 2021; tổng dư nợ cho vay ước đạt 64.594 tỷ đồng, tăng 12,65%.

#### - Về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản:

*Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản* ước đạt 18.152 tỷ đồng, tăng 2,0% so với cùng kỳ, bằng 99,6% kế hoạch năm.

*Về trồng trọt:* Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 84.823 ha,

<sup>1</sup> Giá so sánh 2010 theo số liệu Tổng cục Thống kê thông báo tại Công văn số 2022/TCTK-TKQG ngày 30/11/2022.

<sup>2</sup> Về quy mô GRDP theo giá hiện hành đạt 121.668 tỷ đồng xếp thứ 4 so với 14 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ và thứ 2 so với 05 tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

<sup>3</sup> Nguyên nhân là các doanh nghiệp đã tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới được thực thi một cách toàn diện hơn, hiệu quả hơn, nhất là Hiệp định Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Một số sản phẩm mới được xuất khẩu trong năm như: ghế sofa xuất khẩu sang thị trường Singapore của Công ty TNHH Oucanyon Furniture Việt Nam; tròng mắt kính, khuôn tròng mắt kính của Công ty TNHH Hoya Lens Việt Nam đi thị trường Thái Lan, Mỹ, Trung Quốc, Hungary, Nhật Bản, Italy, Đức. Một số doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu như: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi mở rộng thị trường Nhật Bản - Hàn Quốc; Công ty TNHH Hệ thống Điện GE Việt Nam mở rộng thị trường Đài Loan- Malaysia - Nga - Hàn Quốc; Công ty TNHH Mensa Industries mở rộng thị trường các nước châu Á, châu Mỹ.

tăng 1,8% so với cùng kỳ; sản lượng lương thực ước đạt 493.053 tấn, giảm 1,5%<sup>4</sup>; trong đó: Cây lúa: Diện tích gieo trồng ước đạt 74.783 ha, năng suất bình quân ước đạt 58,2 tạ/ha, sản lượng ước đạt 435.841 tấn; Cây ngô: Diện tích gieo trồng ước đạt 9.981 ha, năng suất bình quân ước đạt 57,3 tạ/ha, sản lượng ước đạt 57.212 tấn. Xây dựng 109 cánh đồng mẫu lớn, với tổng diện tích 1.765,5 ha. Đất trồng lúa chuyển sang trồng cây trồng cạn ước thực hiện 582 ha<sup>5</sup>; chuyển đổi từ đất trồng sắn sang trồng cây trồng cạn hàng năm ước đạt 365,1 ha<sup>6</sup> với các loại cây như: Ngô lấy hạt, ngô sinh khối, lạc, rau các loại, cỏ chăn nuôi.

*Về chăn nuôi:* Nhìn chung đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định. Tỉnh xác định sản phẩm chăn nuôi hàng hóa chủ lực của địa phương là bò thịt và trâu thịt; định hướng phát triển chăn nuôi theo vùng đạt kết quả khả quan, việc chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực, thịt hơi xuất chuồng ước đạt 86.937 tấn, tăng 3,8% so với năm 2021, đạt 101,1% kế hoạch năm.

Trong năm, bệnh dịch tả lợn Châu Phi<sup>7</sup> và bệnh viêm da nổi cục ở trâu bò<sup>8</sup> xảy ra tại một số địa phương, gây thiệt hại cho người dân. Các bệnh thông thường như: Tụ huyết trùng, dịch tả, phó thương hàn, tiêu chảy ở vật nuôi xảy ra rải rác, nhỏ lẻ đã được bao vây dập tắt không để lây lan diện rộng.

*Về lâm nghiệp:* Diện tích trồng mới rừng tập trung ước đạt 28.509 ha, tăng 3,8% so với năm 2021, vượt 17,1% kế hoạch năm; sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng ước đạt 2.250.943 m<sup>3</sup>, tăng 5,5%; tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 51,75%, tương đương so với cùng kỳ năm 2021. Tổ chức 506 đợt truy quét, 737 đợt kiểm tra, 2.797 đợt tuần tra quản lý bảo vệ rừng; phát hiện 194 vụ vi phạm, xử lý và thu nộp ngân sách 1.805 triệu đồng; xảy ra 19 vụ phá rừng, thiệt hại 2,89 ha; xảy ra 01 vụ cháy rừng, thiệt hại 2,78 ha.

*Thủy sản:* Sản lượng thủy sản ước đạt 277.272 tấn, tăng 1,7% so với năm 2021, vượt 1,2% kế hoạch năm. Trong đó: Sản lượng đánh bắt 268.767 tấn, tăng 1,7%; sản lượng nuôi trồng 8.505 tấn<sup>9</sup>, tăng 1,6%.

- Thu, chi ngân sách:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 34.167 tỷ đồng, tăng 44,7% so với năm 2021, vượt 78% dự toán Trung ương giao và vượt 40,4% dự toán

<sup>4</sup> Sản xuất nông nghiệp năm 2022 gặp nhiều bất lợi về thời tiết do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc kết hợp với không khí lạnh tăng cường, từ ngày 30/3/2022 đến ngày 01/4/2022 trên toàn tỉnh có mưa to đến rất to làm ngập úng, đổ ngã một số diện tích lúa vụ Đông Xuân đang trong giai đoạn chuẩn bị thu hoạch, ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân và một số loại cây trồng khác và gần đây nhất là bão số 4, mưa, lũ ngày 10, 11/10/2022.

<sup>5</sup> Trong đó: cây ngô: 158,7ha, cây lạc: 116,4ha, cây rau các loại: 89,5ha, cây đậu các loại: 20ha, cây cỏ chăn nuôi: 72ha, cây khác: 123,4ha, cây ăn quả: 2ha.

<sup>6</sup> Trong đó: cây ngô: 112ha, cây lạc: 79,4ha, cây rau các loại: 54ha, cây đậu các loại: 14ha, cây cỏ chăn nuôi: 26,5ha, cây khác: 52,3ha, cây ăn quả: 13,8ha, cây keo: 10,0ha.

<sup>7</sup> Dịch bệnh xảy ra tại 140 cơ sở chăn nuôi nông hộ tại 87 thôn thuộc 50/173 xã, phường, thị trấn của 10/13 huyện, thị xã, thành phố với tổng số con mắc bệnh và chết 2.167 con/88.982 tấn.

<sup>8</sup> Dịch bệnh xảy ra tại 954 cơ sở chăn nuôi nông hộ tại 231 thôn thuộc 77/173 xã, phường, thị trấn của 08/13 huyện, thị xã, thành phố, với 1.112 con bò mắc bệnh, làm chết 262 con/25,1 tấn.

<sup>9</sup> Sản lượng tôm nuôi ước đạt 5.589 tấn, giảm 1,39% so với năm 2021.

HĐND tỉnh giao, trong đó: Thu nội địa 23.084 tỷ đồng<sup>10</sup>, tăng 50,8% và vượt 37,8% dự toán; thu hoạt động xuất nhập khẩu 11.000 tỷ đồng<sup>11</sup>, tăng 33,2% và vượt 46,7% dự toán; thu vay vốn để bù đắp bội chi 83,1 tỷ từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán.

Chi ngân sách địa phương ước khoảng 16.091 tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2021 và bằng 96,9% dự toán, trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 4.249 tỷ đồng, tăng 68,5% và bằng 100% dự toán; chi thường xuyên ước đạt 9.509 tỷ đồng, tăng 7,4% và vượt 8,8% dự toán; chi các chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 2.315 tỷ đồng, tăng 5,6% và vượt 50% dự toán. Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Lĩnh vực văn hóa, xã hội:

- *Giáo dục và đào tạo:*

Thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ năm học 2021-2022 và triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023<sup>12</sup>. Tổ chức tốt các kỳ thi tuyển vào lớp 10, tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022, kỳ thi học sinh giỏi và giáo viên dạy giỏi các cấp; thi tuyển dụng giáo viên nhằm bổ sung số lượng giáo viên thiếu hụt trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các tổ chức quốc tế triển khai nhiều dự án giáo dục và đào tạo hiệu quả<sup>13</sup>. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả giai đoạn 2 của Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh. Phê duyệt và triển khai phương án mua sắm thiết bị máy tính bảng cấp cho học sinh trên địa bàn tỉnh thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

Ngành giáo dục đã triển khai đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6 và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức dạy học đối với lớp 7, lớp 10 trong năm học 2022-2023. Có 13/13 huyện, thị xã, thành phố duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt phổ cập giáo dục THCS, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non

<sup>10</sup> Trong đó: Thu từ NMLD Dung Quất ước đạt 14.940 tỷ đồng, tăng 74,4% so với năm 2021, vượt 88,3 dự toán; Thu tiền sử dụng đất ước đạt 2.126 tỷ đồng, tăng 127,6% so với năm 2021, bằng 67,7% dự toán; Các khoản thu còn lại ước đạt 6.018 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2021, vượt 6% dự toán.

<sup>11</sup> Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Cty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất với số thu dự kiến khoảng 7.620 tỷ đồng và thu từ dầu thô nhập khẩu của Cty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn khoảng 3.373 tỷ đồng.

<sup>12</sup> Toàn tỉnh có 591 trường học, trung tâm. Trong đó có: 208 trường mầm non; 155 trường tiểu học; 130 trường THCS; 52 trường THPT; 39 trường THPT và 01 trường liên cấp thành phố giáo dục quốc tế IEC - Quảng Ngãi; 05 trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp huyện, thị xã.

<sup>13</sup> Dự án: “Chương trình Giáo dục mầm non giai đoạn 2017-2021” do Tổ chức hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật Vùng Đa-măng, Vương quốc Bỉ (VVOB) tài trợ tại 05 huyện miền núi; Tổ chức OneSky triển khai Dự án: “Hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi”; Dự án “Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu” (QIPEDC) do Quỹ hợp tác toàn cầu về tài trợ đầu ra (GPRBA) viện trợ không hoàn lại ủy thác thông qua Ngân hàng Thế giới; Dự án “IPLAY Việt Nam - Lồng ghép các hoạt động học thông qua chơi cho học sinh tiểu học” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do Tổ chức VVOB Việt Nam tài trợ; Chương trình thư viện thân thiện của Dự án Room to read.

trẻ 5 tuổi. Có 05/13 huyện đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 1; 08/13 huyện đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 2; tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1. Có 114/208 trường Mầm non (tỷ lệ 54,80%); 128/153 trường Tiểu học (tỷ lệ 83,66%); 115/130 trường Trung học cơ sở (tỷ lệ 88,46%); 18/52 trường 02 cấp học TH-THCS (tỷ lệ 34,6%); 26/39 trường THPT (tỷ lệ 66,67%) đạt chuẩn quốc gia.

- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân; kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống truyền thông giáo dục sức khỏe từ tỉnh đến cơ sở, đầu tư trang bị các phương tiện cần thiết để hoạt động đạt hiệu quả. Triển khai thực hiện đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử; hệ thống Hội chẩn từ xa, kết nối giữa các bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện tuyến trung ương. Thành lập và đưa vào hoạt động Bệnh viện Nội tiết với quy mô ban đầu 35 giường nội trú. Tiếp tục triển khai Đề án về Xã hội hoá y tế; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân, các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo tăng cường thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người”, đảm bảo đúng thời gian yêu cầu; đẩy mạnh công tác truyền thông cho người dân về lợi ích tiêm liều bổ sung, liều nhắc lại vắc xin phòng Covid-19, đảm bảo tất cả người dân đều được tiêm chủng đầy đủ<sup>14</sup>.

Đến hết năm 2022, có 154/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 89,02%; số giường bệnh/vạn dân đạt 30,2 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 7,75; tỷ lệ người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế đạt 95,12%.

- Công tác lao động, thương binh và xã hội; dân tộc và miền núi:

Công tác lao động, việc làm và thực hiện chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tổ chức nhiều hoạt động đền ơn đáp nghĩa và Lễ Kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2022). Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm được nâng cao, số lao động có việc làm tăng sau tư vấn; hỗ trợ các doanh nghiệp khôi phục lại hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm<sup>15</sup>. Tăng cường hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng và hướng nghiệp cho người lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 61,43%.

Thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc đối tượng ưu đãi người có công với cách mạng, kịp thời chi trả các khoản trợ cấp ưu đãi thường xuyên hàng tháng cho đối tượng người có công và thân nhân người có công<sup>16</sup>. Công tác

<sup>14</sup> Đến 15/12/2022: đã tiêm chủng vắc xin Covid-19 mũi 1, mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 100%, mũi nhắc lại lần 1 đạt 83,1%; mũi nhắc lại lần 2 đạt 100%. Đối với tiêm vắc xin cho trẻ từ 12-17 tuổi mũi 1, mũi 2 đạt 100%; mũi nhắc lại lần 1 đạt 48,6%. Đối với tiêm vắc xin cho trẻ từ 5-11 tuổi mũi 1 đạt 84,9%, mũi 2 đạt 60%.

<sup>15</sup> Kết nối, khai thác thông tin của 312 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh với 17.000 việc làm; tư vấn việc làm, học nghề cho 3.500 lượt người người, thực hiện giới thiệu việc làm cho 10.000 lao động

<sup>16</sup> Trong năm 2022, đã giải quyết cho 1.937 trường hợp hưởng chế độ trợ cấp chính sách người có công theo quy

giảm nghèo tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện.

Triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 về công tác dân tộc; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tương đối ổn định. Các chế độ, chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định<sup>17</sup>.

- Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

*Các hoạt động văn hóa, văn nghệ* diễn ra sôi nổi, có nhiều điểm mới cả về quy mô, hình thức, chất lượng; tổ chức 100 buổi văn nghệ kết hợp tuyên truyền lưu động, 40 buổi biểu diễn nghệ thuật; các Hội thi, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh thu hút nhiều người dân tham gia. Tham gia Liên hoan diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên lần thứ III - năm 2022 đạt một giải A và ba giải B.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng; triển khai thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đến năm 2030; xây dựng hồ sơ di tích cấp quốc gia đối với di tích Đền thờ anh hùng dân tộc Trương Định và hồ sơ bảo vật quốc gia đối với hiện vật Trống đồng Đông Sơn; thực hiện chỉnh lý trưng bày Nhà trưng bày Vụ thăm sát Sơn Mỹ; hoàn chỉnh hồ sơ di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở và được các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên.

*Các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng* được tổ chức sôi nổi từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp tỉnh năm 2021-2022; tổ chức thành công 22 giải thể thao cấp tỉnh. Các đội tuyển và đội trẻ đã tham gia 27/27 giải thể thao toàn quốc, đạt 106<sup>18</sup> huy chương; các đội năng khiếu thể thao đã tham gia 10/10 giải toàn quốc, đạt 13 huy chương. Đăng cai tổ chức thành công 04<sup>19</sup> giải thể thao quốc gia, phối hợp tổ chức tốt cuộc đua xe đạp toàn quốc tranh cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022.

*Về du lịch:* Hoạt động du lịch được phục hồi, triển khai hiệu quả các hoạt động liên kết, xúc tiến du lịch và tổ chức Hội nghị sơ kết diễn đàn phát triển Du lịch giữa Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2022. Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 khóa XX về đẩy

định; kịp thời chi trả cho 91.506 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội

<sup>17</sup> Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg; Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số...

<sup>18</sup> Trong đó: có 33 huy chương vàng, 26 huy chương bạc và 47 huy chương đồng.

<sup>19</sup> Giải vô địch Vovinam các đội mạnh toàn quốc; Giải vô địch các câu lạc bộ Dù lượn quốc gia lần thứ II - năm 2022; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XII, khu vực II năm 2021; Giải Bóng chuyền hạng A quốc gia năm 2022 (vòng bảng).

manh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phê duyệt Đề án Xây dựng Chương trình định vị và phát triển thương hiệu du lịch Quảng Ngãi đến năm 2025, nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch Quảng Ngãi phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam, gắn liền với định hướng phát triển thương hiệu vùng duyên hải miền Trung, đồng thời cải thiện vị thế của Quảng Ngãi trong bức tranh du lịch vùng và cả nước.

Đến cuối năm 2022, khách du lịch đến Quảng Ngãi ước đạt 650.000 lượt người, tăng gấp 2,2 lần so với cùng kỳ và đạt 90,3% so với kế hoạch. Doanh thu ước đạt 700 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ và đạt 71,1% so với kế hoạch.

- Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình:

Công tác thông tin và truyền thông được tăng cường. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Đề án 06<sup>20</sup> ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 19-CT/TU<sup>21</sup> ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 20/6/2022 về phát triển nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025...

Mạng viễn thông cung cấp dịch vụ tới 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; 100% xã được phủ sóng điện thoại di động, đảm bảo cung cấp kết nối mạng mọi lúc, mọi nơi. Hệ thống công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin đã thực hiện quang hóa 100% hạ tầng đường truyền tới các cơ quan, đơn vị, huyện, thị xã, thành phố; cung cấp thiết bị truyền tải băng rộng, thiết bị truy nhập đảm bảo hạ tầng đáp ứng quá trình xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử; 100% các cơ quan nhà nước các cấp đã trang bị máy tính. Trung tâm dữ liệu của tỉnh được xây dựng, nâng cấp và làm chủ công nghệ điện toán đám mây, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp. Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi được khai trương làm tiền đề triển khai các dự án, đề án về đô thị thông minh của tỉnh. Hệ thống hợp trực tuyến được đầu tư kết nối và được sử dụng thường xuyên từ Chính phủ đến cấp xã. Hệ thống Công Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện tích hợp, cung cấp 459 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công Quốc gia<sup>22</sup>; triển khai thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06.

<sup>20</sup> Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>21</sup> Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>22</sup> Theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Khoa học và công nghệ:

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường. Tiếp tục theo dõi, quản lý 35 nhiệm vụ khoa học và công nghệ<sup>23</sup>; thực hiện thẩm định công nghệ, thiết bị cho 49 dự án đầu tư; cấp 16 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho cơ sở đủ điều kiện; hướng dẫn 30 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

c) Lĩnh vực quốc phòng, an ninh:

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác tuyển quân được triển khai thực hiện tốt, đạt 100% chỉ tiêu giao. Tổ chức thành công thực hành diễn tập khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự tỉnh năm 2022, diễn tập khu vực phòng thủ tại 04 địa phương trong tỉnh.

Quản trịet và thường xuyên chỉ đạo thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Kịp thời chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự. Triển khai nhiều biện pháp, giải pháp phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thực hiện hiệu quả công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Mở 10 đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; điều tra khám phá 313/363 vụ phạm tội về trật tự xã hội, bắt và xử lý 806 đối tượng. Xảy ra 184 vụ tai nạn giao thông, làm chết 102 người, bị thương 149 người, thiệt hại tài sản khoảng 596 triệu đồng.

**1.3. Dân số, dân tộc:** Dân số tỉnh Quảng Ngãi có 1.404.940 khẩu/374.573 hộ; dân tộc thiểu số là 187.090 người, chiếm 13,32% tổng dân số toàn tỉnh, trong đó: Dân tộc H're là 133.104 người, dân tộc Co là 33.227 người, dân tộc Ca Dong là 19.689 người và 1.070 người thuộc các dân tộc thiểu số khác. Theo kết quả phân định vùng đồng bào DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025; có 02 huyện miền núi là huyện nghèo.

**1.4. Vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh** có 61 xã (gồm: 06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III) và 241 thôn (gồm: 235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBKK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS&MN) thuộc 05 huyện miền núi và các huyện đồng bằng: Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành.

## **2. Khái quát công tác dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn 2021-2025.**

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp, các ngành. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX đã xác định đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi là một

<sup>23</sup> Trong đó có 09 nhiệm vụ cấp nhà nước, 23 nhiệm vụ cấp tỉnh chuyển tiếp từ năm 2021 sang; 01 nhiệm vụ về quỹ gen giai đoạn 2021-2025; 02 nhiệm vụ cấp cơ sở.



trong bốn nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2020-2025; Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/8/2021 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 về công tác dân tộc; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy; ban hành Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; đồng thời đưa vào Chương trình công tác năm 2022 của UBND tỉnh về thực hiện công tác dân tộc đặc biệt trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành khác về thực hiện công tác dân tộc. Thực hiện Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh; các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cũng đã ban hành các Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để triển khai thực hiện.

- Về thực hiện công tác Dân tộc và chính sách Dân tộc: được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời bao gồm các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo<sup>(24)</sup> và các chính sách đặc thù của địa phương<sup>(25)</sup>. Nhìn chung, công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn được sự quan tâm lớn của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời; quyền, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc như: đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo đều được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

### **3. Khái quát việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và nguyên tắc lồng ghép giới xuyên suốt trong tổ chức triển khai thực hiện dự án, tiểu dự án của Chương trình:**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Chương trình

<sup>(24)</sup> Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Chính sách đối người có uy tín trong đồng bào DTTS; Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 – 2025; Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình truyền thông bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số; Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2019-2021 theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019; Chương trình phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông

<sup>(25)</sup> Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán; Chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 28/9/2022 triển khai Dự án 8 giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 và Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 28/9/2022 triển khai Dự án 8 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ cũng đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới<sup>(26)</sup>

- Công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị vùng DTTS&MN được xem là một trong những nội dung quan trọng, then chốt, tạo cơ hội cho phụ nữ phát huy trình độ năng lực, kinh nghiệm, thể hiện quan điểm trong quyết định các chính sách. Thông qua đó, góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho việc thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực đời sống xã hội; phụ nữ đóng vai trò ngày càng tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN. Trong những năm qua, các đơn vị quản lý về lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động đã kịp thời có các giải pháp để tạo sự bình đẳng cho lao động nữ trong quá trình tham gia vào thị trường lao động. Hiện nay, nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh; các chính sách phát triển văn hóa - xã hội: Ngày càng được triển khai theo hướng tạo được nhiều cơ hội, bảo đảm việc tiếp cận thông tin và nhu cầu thưởng thức văn hóa, văn nghệ của phụ nữ, công tác tuyên truyền trợ giúp Pháp lý cho phụ nữ đã được các cấp, các ngành quan tâm.

Bên cạnh đó, công tác phụ nữ và bình đẳng giới vẫn còn những hạn chế do một số hủ tục và nhận thức một số người dân vùng đồng bào DTTS như: Phải có con trai để nối dõi; không được tham gia họp bàn, quyết định hay được làm những công việc có ý nghĩa trọng đại ở gia đình cũng như trong cộng đồng; việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế, tỷ lệ nữ có bảo hiểm y tế (tính trong số người khám chữa bệnh) tuy tăng lên qua các năm nhưng thấp hơn nam giới; tình trạng tảo hôn ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, đời sống của những em gái, hiện tượng tái mù chữ còn xảy ra khá phổ biến, nhất là ở một

---

<sup>(26)</sup> Kế hoạch số 361/KH-BDT ngày 06/6/2022 của Ban Dân tộc tỉnh; Hội Phụ nữ tỉnh ban hành: Quyết định số 81/QĐ-BTV, ngày 7/11/2022 về thành lập Ban Điều hành Dự án 8; Quyết định số 82/QĐ-BTV, ngày 7/11/2022 về Ban hành Quy chế làm việc của Ban Điều hành Dự án 8; Quyết định số 83/QĐ-BTV, ngày 7/11/2022 về thành lập Tổ giúp việc Ban Điều hành Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn: 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa; định kiến giới còn tồn tại trong nhân dân (nhất là vùng nông thôn, vùng miền núi) gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại địa phương.

## Phần 1

### CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

#### I. VỀ ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

**1. Số thôn, xã, huyện thụ hưởng Chương trình:** được thực hiện trên địa bàn 05 huyện miền núi<sup>(27)</sup> và 03 huyện có vùng đồng bào DTTS<sup>(28)</sup> bao gồm Có 61 xã (*06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III*) và 241 thôn ĐBKK (*có 235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBKK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS&MN*)<sup>(29)</sup>

**2. Đặc điểm tự nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi..., trên địa bàn thực hiện Chương trình:** 05 huyện miền núi ở phía Tây của tỉnh Quảng Ngãi, có địa hình phức tạp, hiểm trở, đồi núi có độ dốc cao, thung lũng hẹp, bị chia cắt bởi nhiều sông suối. Các huyện miền núi nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng Tây Nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ, có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô, nhiệt độ trung bình trong năm khoảng 27°C.

**3. Đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn thực hiện Chương trình:**

- Trong những năm qua, kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục tăng trưởng; mục tiêu giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt, đầu năm 2022, toàn vùng đồng bào DTTS&MN có 23.099 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 35,64%; có 9.204 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,2% đến cuối năm, trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 4,73% xuống còn 30,91% (*đạt mục tiêu đề ra là 4%*); tỷ lệ hộ cận nghèo là 14,00%; có 05 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa; 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp; Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc luôn được quan tâm.

<sup>(27)</sup> Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long.

<sup>(28)</sup> Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.

<sup>(29)</sup> Được phê duyệt tại và Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021

- Về giáo dục: Toàn vùng có 07 trường PTDTNT (01 trường THPT DTNT tỉnh và 06 trường THCS DTNT huyện ở 05 huyện miền núi) với tổng chỉ tiêu học sinh DTNT là 1.900 học sinh; và 32 trường PTDTBT (TH: 06 trường; TH-THCS: 17 trường; THCS: 09 trường) với tổng số học sinh 10.345 học sinh; 100% xã có trường, lớp mầm non chuẩn quốc gia, tỷ lệ trẻ mầm non ra lớp đạt 92,96%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ học 2 buổi/ngày và tỷ lệ được ăn tại trường tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm nhiều so với các năm trước. Tại 05 huyện miền núi có 16/71 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 22,53%); có 18/35 trường tiểu học đạt chuẩn (tỷ lệ 51,42%); có 22/70 trường THCS đạt chuẩn (tỷ lệ 31,42%) và 4/10 trường THPT đạt chuẩn (tỷ lệ 40,00%) đạt chuẩn.

- Về y tế: Công tác y tế được triển khai thực hiện toàn diện, đầy đủ và hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế; phòng, chống HIV/AIDS; Vệ sinh an toàn thực phẩm, Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Dự án Vệ sinh nông thôn thuộc CTMTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các hoạt động y tế do ngành y tế quản lý. Mạng lưới y tế cơ sở ngày càng được củng cố và hoàn thiện, 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, cơ cấu cán bộ được đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78.3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đạt 27,75%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,51)...

- Về an ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Các cấp, các ngành, các địa phương chủ động nắm bắt tình hình an ninh, trật tự xã hội. Tuy nhiên, cũng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp của các thế lực thù địch, các tà giáo, mị dân...

## II. VỀ NỘI DUNG CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN

1. Số các dự án, tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình thực hiện trên địa bàn tỉnh là 10 Dự án, 12 Tiêu dự án và 14 nội dung thành phần (*cụ thể theo phụ lục số 05*).

2. Về nguồn vốn thực hiện: Tổng vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình trong năm 2022 và năm 2023 là 1.123.702 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình trong năm 2022 là 383.721 triệu đồng gồm: Vốn ngân sách Trung ương là 332.493 triệu đồng (*vốn đầu tư là 218.108 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 114.385 triệu đồng*); Vốn ngân sách địa phương là 51.228 triệu đồng (*vốn đầu tư là 34.160 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 17.068 triệu đồng*)

- Vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình trong năm 2023 là 739.981 triệu đồng gồm: Vốn ngân sách Trung ương là 642.289 triệu đồng (*vốn đầu tư là 282.742 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 359.565 triệu đồng*); Vốn ngân sách địa phương là 97.692 triệu đồng (*vốn đầu tư là 42.412 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 55.280 triệu đồng*) (*cụ thể theo phụ lục số 02*)

### **III. VỀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

Đánh giá về các văn bản hướng dẫn do Trung ương ban hành để triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án: Hiện nay, hầu hết các văn bản của Trung ương hướng dẫn thực hiện Chương trình đã được ban hành; tuy nhiên, một số nội dung còn vướng mắc, chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp thẩm quyền nên chưa triển khai thực hiện được (*cụ thể theo phụ lục số 01*)

## **Phần 2**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **I. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY THỰC HIỆN**

**1. Đánh giá về việc tổ chức bộ máy, thành lập ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình ở địa phương.**

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; 02 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Phó Trưởng ban; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 quy định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

- Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình đã Quyết định thành lập BCD các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện phân công nhiệm vụ cho Trưởng phòng Dân tộc là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện có tổ chức phòng Dân tộc); Chánh Văn phòng huyện là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện không tổ chức phòng Dân tộc).

**2. Đánh giá về việc xây dựng và ban hành quy chế thực hiện, phân công phân nhiệm, phối hợp thực hiện Chương trình giữa cơ quan bộ, ngành trung ương và địa phương /phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện Chương trình. Công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật.**

a) Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình: Tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban ngành và Hội đoàn thể tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan Thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần cấp tỉnh.

b) Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình: hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh với định hướng là đẩy mạnh việc phân cấp cho cấp huyện, xã quản lý, thực hiện các chương trình.

c) Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực: hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư đang thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh để tham mưu UBND trình HĐND tỉnh ban hành.

d) Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Được thực hiện theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ ngành TW và các quy định hiện hành của Nhà nước.

e) Thông tin, truyền thông, vận động: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN

tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 –2025; trên cơ sở đó, UBND các huyện đã ban hành kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

f) Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân: UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức Đoàn công tác học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các tỉnh phía Bắc từ ngày 24/4/2022 đến ngày 30/4/2022; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022 về việc thực hiện Tiểu dự án 4: đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

### **3. Đánh giá về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện Chương trình.**

Thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở đó, UBND các huyện thực hiện Chương trình và các Sở, ngành được giao chủ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương

## **II. VỀ LẬP, PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN VỐN**

1. Đánh giá về lập, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện Chương trình hàng năm và trung hạn 5 năm giai đoạn và 2021-2025; trong đó làm rõ công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hằng năm: đã được các cơ quan, ban, ngành và các địa phương thực hiện Chương trình phối hợp, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình; hiện nay Chính phủ chưa giao kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 nên việc lập kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 từ vốn sự nghiệp gặp khó khăn.

- Về xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình: Ban Dân tộc tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 22/8/2022 thực hiện Chương trình năm 2022.

- Về xây dựng Kế hoạch đầu tư công thực hiện Chương trình:

+ HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết số 30/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2022.

+ UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình; Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình từ nguồn vốn ngân sách Trung ương; Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh

2. Đánh giá việc huy động, quản lý các khoản vay, vốn ODA để thực hiện Chương trình (nếu có); làm rõ kết quả đạt được, bất cập, hạn chế trong việc phân bổ, quản lý nguồn vốn này: Do đây là Chương trình mới với nhiều nội dung mới; các văn bản hướng dẫn thực hiện chưa hoàn thiện, đầy đủ nên việc huy động vốn từ các nguồn vốn khác trong năm qua chưa thực hiện được.

3. Đánh giá về cơ chế, chính sách, các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện phân bổ, giải ngân vốn thực hiện Chương trình. Nêu rõ thuận lợi, khó khăn, bất cập, hạn chế trong các văn bản quản lý tổ chức thực hiện phân bổ vốn thực hiện Chương trình: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN là Chương trình mới, nhiều nội dung khó thực hiện; nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai trong khi quy mô các nội dung chính sách lại nhỏ và có nhiều cơ quan tham gia chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Hơn nữa, đến cuối tháng 5/2022, Chính phủ mới giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của Chương trình và kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp năm 2022 cho địa phương nên việc tham mưu cấp có thẩm quyền giao Kế hoạch vốn cho các cơ quan đơn vị thực hiện chậm; hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện chưa được hoàn thiện, nhiều nội dung chưa triển khai thực hiện được nên việc giải ngân vốn Chương trình đạt kết quả thấp.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Các kết quả đạt được**

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được trong 3 năm triển khai thực hiện Chương trình về các mặt: Công tác chỉ đạo điều hành/ tổ chức thực hiện/ xây dựng văn bản/lập thẩm định, phân bổ vốn bao hàm cả định giá ngân sách giới/tổ chức kiểm tra, giám sát, trợ giúp pháp lý...



Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Ban Dân tộc tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả chủ yếu: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2022. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022; ban hành các Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022...

UBND tỉnh đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; giao nhiệm vụ cho các sở, ngành có liên quan tham mưu triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (tại Công văn số 2842/UBND-KGVX ngày 13/6/2022). Đến nay, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành tương đối đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.

Về việc thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022, Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đạt tối thiểu đạt 10% trên tổng số lượng dự án đầu tư xây dựng trong các Chương trình.

- Về cơ chế thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và theo tổ nhóm cộng đồng thuộc CTMTQG: Thực hiện Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3, Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, Hiện nay, do một vài huyện còn lúng túng trong việc xây dựng và phê duyệt danh mục định hướng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trung hạn sử dụng nguồn vốn của Chương trình, cho nên Ban Dân tộc tỉnh chưa đủ điều kiện để tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

## **2. Kết quả cụ thể đạt được theo các dự án, tiểu dự án năm 2022.**

### **3.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

- Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực: Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 từ NSTW và NST là 70.541 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư 59.765 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 54.332 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 5.433 triệu đồng); vốn sự nghiệp 10.776 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 9.796 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 980 triệu đồng).

- Tiến độ thực hiện: UBND tỉnh ban hành Công văn số 5319/UBND-KGVX ngày 19/10/2022 hướng dẫn quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách và Công văn số 5611/UBND-KGVX ngày 03/11/2022 áp dụng hạn mức giao đất ở để xây dựng nhà ở thuộc Dự án 1 - Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; các địa phương đang triển khai thực hiện, chủ yếu là đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định của cấp có thẩm quyền về mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tập trung từ nguồn vốn đầu tư công, Ủy ban Dân tộc đã có Tờ trình số 1377/TTr-UBDT ngày 24/8/2022 trình Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả giải ngân là 7.720 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư công (trong đó: ngân sách Trung ương 7.701 triệu đồng; ngân sách tỉnh 19 triệu đồng).

### **3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.**

- Tổng vốn kế hoạch vốn đầu tư công từ NSTW và NST là 25.639 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương là 23.308 triệu đồng; ngân sách tỉnh 2.331 triệu đồng.

- Tiến độ triển khai thực hiện: Hiện nay các huyện đang tiến hành các thủ tục phê duyệt dự án, hoàn thiện thủ tục lựa chọn nhà thầu thi công.

- Kết quả giải ngân là 1.391 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư của ngân sách trung ương.

### **3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

a) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực: Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 từ NSTW và NST là 43.844 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 38.125 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5.719 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện: Hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai các thủ tục để thực hiện. Đến tháng 12 mới thực hiện

việc nghiệm thu kết quả khoán bảo vệ rừng và thanh toán cho các đối tượng thụ hưởng. Đến nay, chưa có kết quả giải ngân.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

+ Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực: Tổng Kế hoạch vốn năm 2022 từ NSTW và NST là 9.121 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư công là 7.108 triệu đồng (Ngân sách trung ương là 6.181 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 927 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 2.013 triệu đồng (Ngân sách trung ương là 1.830 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 183 triệu đồng);

+ Tình hình thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng đang triển khai thực hiện thủ tục lựa chọn dự án theo quy định tại khoản 1 điều 10 của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế. Chưa có kết quả giải ngân.

- Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN

+ Kế hoạch vốn năm 2022 từ NSTW và NST là 18.188 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: Ngân sách Trung ương là 16.468 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 1.720 triệu đồng.

+ Tình hình thực hiện: UBND tỉnh đã Ban hành Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 25/11/2022 về việc về việc thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; đối với nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021 – 2025, thực hiện nội dung Công văn số 6205/UBND-KGVX của UBND tỉnh, hiện nay các địa phương đang xây dựng kế hoạch gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp xây dựng kế hoạch chung của tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt. Chưa giải ngân.

#### **3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

- Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực: Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 119.459 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư là 113.056 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 102.778 triệu đồng; ngân sách tỉnh 10.278 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 6.403 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 5.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh 582 triệu đồng).

- Tình hình thực hiện: Hiện nay, các Chủ đầu tư đang phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và triển khai thi công một số công trình.

- Kết quả giải ngân là 31.646 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công 31.522 triệu đồng (ngân sách trung ương 31.160 triệu đồng; ngân sách tỉnh 362 triệu đồng); vốn sự nghiệp 124 triệu đồng nguồn ngân sách Trung ương.

b) Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc: Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện vì không có đối tượng theo quy định tại tiểu dự án này.

### **3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 29.593 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư là 27.348 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 23.443 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 3.905 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 2.245 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 2.022 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 223 triệu đồng).

- Tình hình giải ngân là 2.726 triệu đồng, vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách trung ương.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 2.770 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 2.462 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 308 triệu đồng). Ban Dân tộc đã ban hành kế hoạch Bồi dưỡng kiến thức dân tộc giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 687/KH-BDT ngày 16/9/2022) và Kế hoạch Bồi dưỡng kiến thức dân tộc năm 2022 (Kế hoạch 736/KH-BDT ngày 30/9/2022). Đến nay Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 13 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 4 tại 5 huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây.

- Tình hình giải ngân là 1.066 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Tổng kinh giao năm 2022 NSTW và đối ứng của NST là 12.149 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 10.945 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 1.204 triệu đồng). Sở Lao động – TB&XH và UBND các huyện đang hoàn thiện các thủ tục để triển khai thực hiện. Chưa có kết quả giải ngân.

d) Tiêu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 4.078 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (Ngân sách Trung ương là 3.625 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 453 triệu đồng). UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022 về việc thực hiện Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Chưa giải ngân.

### **3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 5.901 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư 4.140 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 3.700 triệu đồng; ngân sách tỉnh 440 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 1.761 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 1.571 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 190 triệu đồng).

- Tình hình thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện đang triển khai thực hiện như: tổ chức điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện 02 nội dung đầu tư công thuộc Dự án 6 trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện các hoạt động sự nghiệp và phổ biến các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương trong quản lý, triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá, giám sát Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi và Dự án 6 tại địa phương. Điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện Dự án Đầu tư bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Kor tại huyện Trà Bồng; địa điểm thực hiện Dự án Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt về Địa điểm Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ

- Tình hình giải ngân là 1.528 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công 1.182 triệu đồng (ngân sách Trung ương 951 triệu đồng; ngân sách tỉnh 231 triệu đồng); vốn sự nghiệp 346 triệu đồng (ngân sách Trung ương 247 triệu đồng; ngân sách tỉnh 99 triệu đồng).

### **3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

- Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 2.617 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 2.368 triệu đồng; ngân sách tỉnh 249 triệu đồng).

- Tình hình thực hiện: Sở Y tế và UBND các huyện đang triển khai thực hiện; giải ngân là 274 triệu đồng (ngân sách Trung ương 237 triệu đồng; ngân sách tỉnh 37 triệu đồng).

### **3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

- Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 6.335 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 5.708 triệu đồng; ngân sách tỉnh 627 triệu đồng).

- Tình hình thực hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và UBND các huyện đang triển khai thực hiện; giải ngân là 1.070 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương.

3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1; Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

- Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 10.266 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 9.333 triệu đồng; ngân sách tỉnh 933 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện: Các huyện chưa triển khai thực hiện do hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Đến nay chưa có kết quả giải ngân.

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

- Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 1.534 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 1.385 triệu đồng; ngân sách tỉnh 149 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện: Ban Dân tộc và UBND các huyện đang triển khai thực hiện. Đến nay đã giải ngân 433 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương 422 triệu đồng; ngân sách tỉnh 11 triệu đồng).

### **3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG.

- Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 1.771 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 1.580 triệu đồng; ngân sách tỉnh 191 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện:

UBND tỉnh đã ban hành việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 –2025 (tại Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022).

Ban Dân tộc tỉnh đã hướng dẫn UBND các huyện triển khai thực hiện nội dung biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín và bàn hành kế hoạch thực hiện nội dung này năm 2022.

Hiện nay Ban Dân tộc tỉnh và UBND các huyện đang triển khai thực hiện; đến nay đã giải ngân 564 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương 550 triệu đồng; ngân sách tỉnh 14 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

- Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 5.549 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư công là 4.868 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 4.366 triệu đồng; ngân sách tỉnh 502 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 681 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 604 triệu đồng; ngân sách tỉnh 77 triệu đồng).

- Tình hình thực hiện: Hiện nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10; Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nên chưa thể thực hiện nội dung này.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 835 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 742 triệu đồng; ngân sách tỉnh 93 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện:

+ UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở đó, hiện nay UBND các huyện, các sở ngành được giao nhiệm vụ cũng đã ban hành kế hoạch kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình.

+ Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 3 của Dự án 10: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình; kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng và UBND các xã Ba Đình (huyện Ba Tơ), Sơn Trung (huyện Sơn Hà), xã Trà Thanh (huyện Trà Bồng); giải ngân 52 triệu đồng vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương.

**3. Tồn tại, hạn chế:** Bên cạnh những thuận lợi và những kết quả đã đạt được thì vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là trong việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN như:

- Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai trong khi quy mô các nội dung chính sách lại nhỏ và có nhiều cơ quan tham gia chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

- Đến cuối tháng 5/2022, Chính phủ mới giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của Chương trình và kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp năm 2022 cho địa phương nên việc tham mưu cấp có thẩm quyền giao Kế hoạch vốn cho các cơ quan đơn vị thực hiện chậm.

- Nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình mới được Trung ương giao năm 2022, chưa giao cả giai đoạn 2021-2025 nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm. Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản của các Bộ ngành. Đến tháng 9/2022 một số Bộ ngành mới ban hành văn bản hướng dẫn.

- Ngày 30/6/2022, Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2022/TT-UBDT hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình; tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện thông tư này vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như: (i) chưa hướng dẫn rõ định mức hỗ trợ, cơ chế thực hiện và thanh, quyết toán vốn đầu tư công của các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở và đất sản xuất của Dự án 1 (đồng thời cũng là định mức để hỗ trợ nhà ở trực tiếp cho hộ gia đình được thụ hưởng chính sách tại Dự án 2); (ii) quy định đối tượng đào tạo đại học thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 5 chưa phù hợp với quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-Tg và chưa hướng dẫn rõ quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo (*tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng đào tạo đại học là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; các đối tượng này trên địa bàn tỉnh rất ít nên không triển khai thực hiện chính sách được*); (iii) chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4 của Dự án 5; (iv) chưa hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 9; (v) chưa hướng dẫn chi tiết xác định lực lượng cốt cán có uy tín thuộc Tiểu dự án 1 của dự án 10 và (vi) chưa hướng dẫn cụ thể nội dung



đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 của dự án 10 nên không thể lập danh mục dự án đầu tư (*đối với nguồn vốn đầu tư công*).

- Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10 nên chưa thể thực hiện nội dung này.

- Tại thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; không quy định nội dung chi cho hoạt động quản lý Chương trình, tham dự các Hội Nghị, Hội thảo do các Bộ ngành TW và các đơn vị liên quan tổ chức nên gây khó khăn cho các đơn vị khi tham dự các hoạt động này.

- Nội dung hướng dẫn định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 và điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ chưa được ban hành nên hiện nay rất khó để các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Một số nội dung của Chương trình mới, từ trước đến nay chưa thực hiện như: Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3; Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3... đã gây lúng túng cho các địa phương trong việc xây dựng kế hoạch gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp xây dựng kế hoạch chung trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **Phần 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **I. GIẢI PHÁP**

- Các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành (hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành) các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý.

- Các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh, UBND các huyện được giao kế hoạch vốn khẩn trương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến việc các vấn đề cần thiết, bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức

kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Ưu tiên bố trí vốn cho những dự án đủ điều kiện triển khai thực hiện và giải ngân vốn ngay.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn đảm bảo thực hiện Chương trình theo Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022. Tăng cường vận động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia vào các dự án hỗ trợ, đầu tư của chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách. Lồng ghép việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, sử dụng tốt công cụ giám sát của cộng đồng trong việc giám sát, đánh giá.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

## **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ có thông báo kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 để các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc:

+ Ban hành định mức hỗ trợ, cơ chế thực hiện và thanh, quyết toán vốn đầu tư công của các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở và đất sản xuất của Dự án 1 *(đồng thời cũng là định mức để hỗ trợ nhà ở trực tiếp cho hộ gia đình được thụ hưởng chính sách tại Dự án 2)*;

+ Ban hành tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp (quy định tại khoản 1 Điều

52 Thông tư số 02/2022/TT-UBND) theo Chương trình khung được quy định tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban Dân tộc;

+ Điều chỉnh khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng; hướng dẫn quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 5.

+ Hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức vốn cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung: “*Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt*” thực hiện Dự án 9.

+ Hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 của dự án 10 đề địa phương lập danh mục dự án đầu tư trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công (*tại Điều 81 và Điều 83 Thông tư số 02/2022/TT-UBND hướng dẫn chưa thật sự cụ thể gây khó khăn trong việc lập danh mục đầu tư*).

+ Hướng dẫn tiêu chí xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến (Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10).

+ Sớm đưa vào vận hành hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình theo Điều 7, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022.

- Kính đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh, bổ sung Điều 58 Thông tư số 15/2022/TT-BTC để thực hiện việc chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình (*như mua sắm trang thiết bị, xây dựng phần mềm quản lý chương trình, xây dựng phòng họp trực tuyến phục vụ cuộc họp của BCD chương trình các cấp*); điều chỉnh Điều 59 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định nội dung chi và mức chi cho các hoạt động quản lý Chương trình, chi phí tham dự các Hội nghị, Hội thảo do các cấp, các ngành tổ chức.

- Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn thực hiện nội dung “*Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự*” của Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10.

- Kính đề nghị Liên minh Hợp tác xã Việt Nam: Theo điểm b khoản 10 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện nội dung “*Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thế Nhân**